Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 02-11-2026 16:24:10 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 176 /2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2025/TT-BQP và Thông tư số 162/2017/TT-BQP về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 21/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Nghị định số 209/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 338/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Nghị định của Chính phủ về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2025/TT-BQP và Thông tư số 162/2017/TT-BQP về chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ trong Quân đội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 25/2025/TT-BQP NGÀY 06 THÁNG 5 NĂM 2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 21/2009/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 02 NĂM 2009 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SĨ QUAN THÔI PHỤC VỤ TẠI NGŨ; SĨ QUAN TẠI NGŨ HY SINH, TỪ TRẦN; SĨ QUAN TẠI NGŨ CHUYỂN SANG QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP HOẶC CÔNG CHỨC QUỐC PHÒNG, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2025/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 3 NĂM 2025, NGHỊ ĐỊNH SỐ 209/2025/NĐ-CP NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2025 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 338/2026/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 8 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, Nghị định số 209/2025/NĐ-CP và Nghị định số 338/2026/NĐ-CP; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3

"Điều 3. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương để tính hưởng các chế độ trợ cấp hướng dẫn tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP.

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm hoặc phục viên, hy sinh, từ trần thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP;

b) Thời gian công tác trong Quân đội để tính hưởng trợ cấp thôi việc đối với sĩ quan đã chuyển ngành sang làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP;

c) Thời gian công tác để tính quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc chuyển sang công chức quốc phòng hoặc khi hy sinh, từ trần thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP; trong đó, thời gian tăng thêm sau khi tính quy đổi được cộng dồn, nếu có số tháng lẻ thì được làm tròn theo hướng dẫn tại điểm d khoản này;

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Văn An, Thượng tá, sinh tháng 10/1973; nhập ngũ tháng 9/1991, chức vụ Trợ lý, công tác tại Quân khu A. Do đơn vị thay đổi biểu tổ chức, biên chế, đồng chí An được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi kể từ ngày 01/11/2026. Trong quá trình công tác, đồng chí An có thời gian làm việc tại địa bàn có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 từ tháng 5/1996 đến tháng 6/2000 bằng 04 năm 02 tháng, được tính tròn là 4,5 năm (thời gian này được tính quy đổi với mức 01 năm bằng 01 năm 02 tháng, thời gian tăng thêm do quy đổi là 09 tháng); thời gian công tác ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100% từ tháng 7/2000 đến tháng 7/2002 bằng 02 năm 01 tháng, được tính tròn là 2,5

năm (thời gian này được tính quy đổi với mức 01 năm bằng 01 năm 4 tháng, thời gian tăng thêm do quy đổi là 10 tháng). Tổng thời gian tăng thêm sau khi tính quy đổi được cộng dồn là 01 năm 7 tháng, được tính tròn là 02 năm.

d) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi (tổng thời gian tăng thêm do quy đổi) và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm nếu có số tháng lẻ thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

"d) Cách tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, như sau:

Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi tính theo công thức:

Tiền trợ cấp cho số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi	=	Số năm được trợ cấp (tính theo thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi quy định)	x	05 tháng	x	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này

Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện như sau:

Trường hợp có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên tính theo công thức:

Tiền trợ cấp theo thời gian công tác	=	{05 tháng + [(tổng số năm công tác hưởng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này - 20 năm) x 0,5 tháng]}	x	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này

Trường hợp có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tính theo công thức:

Tiền trợ cấp theo thời gian công tác	=	05 tháng	x	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này

Ví dụ 2a: Đồng chí Hoàng Văn Bình, Đại tá, sinh tháng 3/1970, chức vụ Trợ lý, có quá trình công tác như sau: từ tháng 02/1996 vào làm lao động hợp đồng tại Tổng cục X, tháng 12/2007 được tuyển dụng công chức quốc phòng, tháng 7/2009 được chuyển sang chế độ quân nhân chuyên nghiệp, tháng 6/2012 được phong quân hàm sĩ quan. Theo quy định hiện hành, hết tháng 3/2028 đồng chí Bình (đủ 58 tuổi) hết hạn tuổi phục vụ cao nhất theo cấp bậc quân hàm Đại tá, nhưng do thay đổi biểu tổ chức, biên chế, Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng, đồng chí Bình được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn

tuổi kể từ ngày 01/10/2026 (56 tuổi 6 tháng). Đồng chí Bình có nguyện vọng được nghỉ hưu, hưởng lương hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu) và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Tính đến hết tháng 9/2026, đồng chí Bình có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 30 năm 8 tháng (đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 157/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân, dân quân thường trực và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân); có thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Đại tá là 01 năm 6 tháng (58 tuổi - 56 tuổi 6 tháng), đủ điều kiện hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được tính là 1,5 năm. Giả sử tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm hưởng lương hưu hằng tháng là 23.900.000 đồng; khi nghỉ hưu, ngoài việc hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Bình còn được hưởng trợ cấp như sau:

Trợ cấp một lần cho số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi:

1,5 năm x 05 tháng x 23.900.000 đồng = 179.250.000 đồng.

Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

Đồng chí Bình có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội từ tháng 12/2007 đến hết tháng 9/2026 là 18 năm 10 tháng nên được hưởng trợ cấp theo thời gian công tác bằng 05 tháng tiền lương trước khi nghỉ hưu:

05 tháng x 23.900.000 đồng = 119.500.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp một lần đồng chí Bình được nhận là:

179.250.000 đồng + 119.500.000 đồng = 298.750.000 đồng.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

"đ) Không thực hiện chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

Không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP;

Sĩ quan còn đủ điều kiện phục vụ tại ngũ và Quân đội còn nhu cầu bố trí sử dụng nhưng xin nghỉ hưu trước hạn tuổi do nhu cầu cá nhân (trừ trường hợp do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý);

Sĩ quan bị kỷ luật hình thức giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm;

Sĩ quan đi học tập, công tác, nghỉ phép ở nước ngoài quá thời hạn từ 30 ngày trở lên không được cấp có thẩm quyền cho phép.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6

"Điều 6. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan phục viên

Sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ không đủ điều kiện để nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc không chuyển ngành được thì phục viên; khi được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên thì được hưởng chế độ, chính sách quy định tại Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp tạo việc làm, trợ cấp phục viên một lần được thực hiện như sau:

1. Trợ cấp tạo việc làm tính theo công thức:

Tiền trợ cấp tạo việc làm = 03 tháng x Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này

2. Trợ cấp phục viên một lần tính theo công thức:

Tiền trợ cấp phục viên một lần = Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này x Số năm công tác hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này x 1,5 tháng

Ví dụ 5: Đồng chí Hoàng Tuấn Mạnh, Thượng úy; sinh năm 1996, nhập ngũ tháng 9/2014, chức vụ Trung đội trưởng, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B. Đồng chí Mạnh có nguyện vọng phục viên và được cấp có thẩm quyền đồng ý, quyết định phục viên kể từ ngày 01/10/2026. Giả sử tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tháng liền kề trước thời điểm đồng chí Mạnh phục viên (tháng 9/2026) là 15.000.000 đồng/tháng, khi phục viên đồng chí Mạnh được hưởng chế độ trợ cấp tạo việc làm, trợ cấp phục viên một lần, như sau:

Trợ cấp tạo việc làm: 03 tháng x 15.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

Trợ cấp phục viên một lần: Đồng chí Mạnh có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội từ tháng 9/2014 đến tháng 9/2026 là 12 năm 01 tháng (được tính tròn là 12,5 năm), số tiền:

15.000.000 đồng x 12,5 năm x 1,5 tháng = 281.250.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp đồng chí Mạnh được nhận:

45.000.000 đồng + 281.250.000 đồng = 326.250.000 đồng.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7

"1. Sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần thì thân nhân của sĩ quan được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân của sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần thực hiện như sau:

Tiền trợ cấp theo thời gian công tác	=	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này	x	Số năm công tác hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x	01 tháng

Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Văn Đạt, Thượng úy, nhập ngũ tháng 7/2016, chức vụ Trợ lý, công tác tại Lữ đoàn A. Ngày 19/9/2026, đồng chí Đạt từ trần; trong quá trình công tác, đồng chí Đạt có 03 năm 6 tháng làm việc tại địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100% (thời gian này được tính quy đổi với mức 01 năm bằng 01 năm 4 tháng, thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp là 01 năm 02 tháng). Giả sử tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi đồng chí Đạt từ trần (tháng 9/2026) là 14.000.000 đồng/tháng, thân nhân của đồng chí Đạt được hưởng chế độ trợ cấp như sau:

Trợ cấp một lần theo thời gian công tác: Đồng chí Đạt có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2026 bằng 10 năm 3 tháng (được tính tròn là 10,5 năm), số tiền là:

14.000.000 đồng x 10,5 năm x 01 tháng = 147.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần đối với thời gian tăng thêm do quy đổi: Thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp của đồng chí Đạt là 01 năm 02 tháng (được tính tròn là 1,5 năm), số tiền là:

14.000.000 đồng x 1,5 năm x 01 tháng = 21.000.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp thân nhân của đồng chí Đạt được nhận là:

147.000.000 đồng + 21.000.000 đồng = 168.000.000 đồng.".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8

"3. Thời gian tăng thêm do quy đổi hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần với mức cứ một năm tăng thêm do quy đổi được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Ví dụ 7: Đồng chí Trần Văn Bằng, Đại úy, nhập ngũ tháng 8/2014, chức vụ Trợ lý, công tác tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh X. Đồng chí Bằng có nguyện vọng phục viên và được cấp có thẩm quyền đồng ý, quyết định phục viên kể từ ngày 01/12/2026. Trong quá trình công tác, đồng chí Bằng có thời gian làm nghề, công việc được xếp điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại V) từ tháng 5/2015 đến tháng 4/2017 là 02 năm (thời gian này được tính quy đổi với mức 01 năm bằng 01 năm 4 tháng; thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp là 08 tháng); thời gian làm việc tại nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 từ tháng 8/2017 đến tháng 8/2022 là 05 năm 01 tháng, được tính tròn là 5,5 năm (thời gian này được tính quy đổi với mức 01 năm bằng 01 năm 02 tháng; thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp là 11 tháng). Tổng thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp là 01 năm 07 tháng, được tính tròn là 02 năm.

Giả sử tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm đồng chí Bằng phục viên (tháng 11/2026) là 15.300.000 đồng/tháng; khi phục viên, đồng chí Bằng được hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thời gian tăng thêm do quy đổi, là:

15.300.000 đồng x 02 năm x 01 tháng = 30.600.000 đồng.".

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 11

1. Bổ sung khoản 3a sau khoản 3 như sau:

"3a. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật chỉ đạo Cục Quân y

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn quân y các cấp phối hợp với cơ quan quản lý nhân sự (cán bộ, quân lực, tổ chức lao động, tiền lương...) hoàn chỉnh hồ sơ, giới thiệu và tổ chức giám định y khoa đối với các đối tượng do Bộ Quốc phòng quản lý theo quy định hiện hành; phối hợp giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, Nghị định số 338/2026/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này đến đối tượng thuộc quyền;

b) Cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên, người chủ trì cơ quan, đơn vị các cấp chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về các trường hợp được giải quyết; không để xảy ra tiêu cực, trục lợi chính sách hoặc giải quyết trái quy định;

c) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhân sự tiến hành rà soát, xây dựng, báo cáo phương án sắp xếp, bố trí, sử dụng và xác định từng trường hợp thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hoặc trường hợp do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý; xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi theo phân cấp quy định. Thời hạn xem xét, giải quyết chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi đối với các trường hợp nêu trên không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định của cấp có thẩm quyền về thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế có hiệu lực thi hành, hoặc từ ngày thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn đến khi sĩ quan có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu).

Đối với các trường hợp không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội, chỉ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi theo phân cấp quy định đối với trường hợp có kết luận của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền theo

quy định của Bộ Quốc phòng xác định bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tai nạn rủi ro bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên hoặc trường hợp có kết luận của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng kết luận bị bệnh tâm thần, không đủ sức khỏe phục vụ Quân đội;

d) Hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm, tổ chức chi trả đúng, đủ, kịp thời chế độ đối với các đối tượng; thực hiện thanh, quyết toán và báo cáo theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, quản lý chặt chẽ tình hình; chủ động xử lý, giải quyết vướng mắc phát sinh từ cơ sở theo thẩm quyền, không đùn đẩy trách nhiệm lên trên; các vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

"Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Sĩ quan đã có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) trước hạn tuổi của cấp có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 12 năm 2024 và hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 trở đi thì hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất và các hướng dẫn về chế độ, chính sách liên quan thực hiện theo Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC.

Trường hợp sĩ quan có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) trước hạn tuổi của cấp có thẩm quyền từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 8 năm 2026 thì hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất và hướng dẫn về chế độ, chính sách liên quan thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 25/2025/TT-BQP.

Trường hợp sĩ quan có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) trước hạn tuổi của cấp có thẩm quyền từ ngày 01 tháng 9 năm 2026 trở đi thì hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 25/2025/TT-BQP; hướng dẫn về mức hưởng trợ cấp, tiền lương và thời gian làm căn cứ tính hưởng trợ cấp thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Sĩ quan dự bị được gọi vào phục vụ tại ngũ quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 78/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, khi hết hạn phục vụ tại ngũ, được giải quyết các chế độ trợ cấp như sĩ quan tại ngũ quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 52/2025/NĐ-CP, Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, Nghị định số 338/2026/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp là thời gian thực tế công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội.".

Điều 9. Thay thế, bổ sung cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Thông tư số 25/2025/TT-BQP

1. Thay thế cụm từ "Ví dụ 1" bằng cụm từ "Ví dụ 1a", cụm từ "khoản 3 Điều 3" bằng cụm từ "khoản 2 Điều 3" tại Ví dụ 2 điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 25/2025/TT-BQP.

2. Bổ sung cụm từ "Điều 1 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP" sau cụm từ "điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP" tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 25/2025/TT-BQP.

3. Bổ sung cụm từ "Nghị định số 209/2025/NĐ-CP, Nghị định số 338/2026/NĐ-CP" sau cụm từ "Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, Nghị định số 52/2025/NĐ-CP" tại Điều 9; điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư số 25/2025/TT-BQP.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 162/2017/TT-BQP NGÀY 10 THÁNG 7 NĂM 2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 151/2016/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 11 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN VÀ VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 338/2026/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 8 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu, phục viên, hy sinh, từ trần; quy đổi thời gian công tác theo quy định của Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 338/2026/NĐ-CP; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.".

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 3

"Điều 3. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương để tính hưởng chế độ

Tiền lương để tính hưởng các chế độ trợ cấp hướng dẫn tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP.

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng trợ cấp một lần (do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm hoặc do phục viên, hy sinh, từ trần) thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP;

b) Thời gian công tác để tính quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần khi thôi phục vụ tại ngũ hoặc khi hy sinh, từ trần thực hiện theo quy định tại điểm b,

điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP; trong đó, thời gian tăng thêm sau khi tính quy đổi được cộng dồn, nếu có số tháng lẻ thì được làm tròn theo hướng dẫn tại điểm c khoản này;

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Văn Q, Thiếu tá quân nhân chuyên nghiệp, nhập ngũ tháng 02 năm 2008, chức vụ Nhân viên. Đồng chí Q có nguyện vọng phục viên và được cấp có thẩm quyền đồng ý, quyết định phục viên kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026. Quá trình công tác, đồng chí Q có thời gian làm việc tại địa bàn có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 4 năm 2013 là 04 năm 7 tháng, được tính tròn là 05 năm (thời gian này được tính quy đổi với mức 01 năm bằng 01 năm 02 tháng, thời gian tăng thêm do quy đổi là 10 tháng); thời gian làm nghề thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 01 năm 2019 là 04 năm 7 tháng, được tính tròn là 05 năm (thời gian này được tính quy đổi với mức 01 năm bằng 01 năm 4 tháng, thời gian tăng thêm do quy đổi là 01 năm 8 tháng). Tổng thời gian tăng thêm sau khi tính quy đổi được cộng dồn là 02 năm 6 tháng, được tính tròn là 2,5 năm.

c) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thời gian tăng thêm do quy đổi (tổng thời gian tăng thêm do quy đổi) và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm nếu có số tháng lẻ thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP.".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

"Điều 4. Điều kiện nghỉ hưu và chế độ, chính sách khi nghỉ hưu

1. Quân nhân chuyên nghiệp có quyết định thôi phục vụ tại ngũ, được nghỉ hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 157/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân, dân quân thường trực và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

b) Đủ 40 tuổi, có đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, trong đó có đủ 15 năm là chiến đấu viên theo quy định của Bộ Quốc phòng về chức danh chiến đấu viên trong lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân mà Quân đội không thể tiếp tục bố trí sử dụng và không thể chuyển ngành được.

2. Công nhân và viên chức quốc phòng có quyết định thôi phục vụ trong Quân đội, được nghỉ hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 1 Điều 64, khoản 1 Điều 65 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15; Điều 12 Nghị định số 158/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

b) Đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại điểm b hoặc điểm c hoặc điểm d khoản 1 Điều 34 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên

chức quốc phòng số 98/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15 và Luật số 14/2026/QH16 (Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng).

3. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng khi nghỉ hưu, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này, được hưởng chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đủ điều kiện nghỉ hưu trước hạn tuổi hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước hạn tuổi và ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng hiện hành, còn được hưởng chế độ trợ cấp một lần, như sau:

a) Trợ cấp 05 tháng tiền lương cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước hạn tuổi, tính theo công thức:

Tiền trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi	=	Số năm được trợ cấp (tính theo thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi quy định)	x	05 tháng	x	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này

b) Trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương, tính theo công thức:

Tiền trợ cấp theo thời gian công tác	=	{05 tháng + [(tổng số năm công tác hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này - 20 năm) x 0,5 tháng]}	x	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này

Ví dụ 3: Đồng chí Nguyễn Văn V, Đại úy quân nhân chuyên nghiệp, sinh tháng 9 năm 1976, nhập ngũ tháng 02 năm 1995, chức vụ Nhân viên. Do đơn vị thay đổi biểu tổ chức, biên chế, Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng, đồng chí V được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 (đủ 50 tuổi). Đồng chí V có nguyện vọng được nghỉ hưu, hưởng lương hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu) và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Đồng chí V có thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi theo cấp bậc quân hàm Đại úy quân nhân chuyên nghiệp là 02 năm (52 tuổi - 50 tuổi), tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (từ tháng 02 năm 1995 đến hết tháng 9 năm 2026) là 31 năm 8 tháng. Giả sử tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu (hưởng lương hưu hằng tháng) là 17.500.000 đồng, khi nghỉ hưu, ngoài chế độ hưu trí theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí V còn được hưởng chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm, như sau:

Trợ cấp một lần cho số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi:

02 năm x 05 tháng x 17.500.000 đồng = 175.000.000 đồng

Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

{05 tháng + [(31 năm 8 tháng - 20 năm) x 0,5 tháng]} x 17.500.000 đồng

= (05 tháng + 06 tháng) x 17.500.000 đồng = 192.500.000 đồng

Tổng số tiền trợ cấp một lần đồng chí Nguyễn Văn V được nhận là:

175.000.000 đồng + 192.500.000 đồng = 367.500.000 đồng.

c) Trợ cấp 05 tháng tiền lương đối với trường hợp có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, tính theo công thức:

Tiền trợ cấp theo thời gian công tác	=	05 tháng	x	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này

Ví dụ 3a: Đồng chí Nguyễn Thị M, Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp, sinh tháng 02 năm 1974, chức vụ Nhân viên, có quá trình công tác như sau: từ tháng 12 năm 1995 đến tháng 9 năm 2010 là lao động hợp đồng tại Quân chủng X; tháng 10 năm 2010 được tuyển dụng công nhân quốc phòng; tháng 10 năm 2013 chuyển sang chế độ quân nhân chuyên nghiệp. Theo quy định hiện hành, đến hết tháng 02 năm 2029 đồng chí M hết hạn tuổi phục vụ cao nhất theo cấp bậc quân hàm (55 tuổi), nhưng do thay đổi biểu tổ chức, biên chế, Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng, đồng chí M được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 (52 tuổi 7 tháng); đồng chí M có nguyện vọng được nghỉ hưu, hưởng lương hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu) và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Tính đến hết tháng 9 năm 2026, đồng chí M có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 30 năm 10 tháng (đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 157/2025/NĐ-CP); tổng thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm là 02 năm 5 tháng (55 tuổi - 52 tuổi 7 tháng), đủ điều kiện hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi, được tính tròn là 2,5 năm. Giả sử tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu (tháng 9 năm 2026) là 21.300.000 đồng/tháng, khi nghỉ hưu, ngoài được hưởng chế độ hưu trí

theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí M còn được hưởng trợ cấp như sau:

- Trợ cấp một lần cho số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi:

2,5 năm x 05 tháng x 21.300.000 đồng = 266.250.000 đồng.

- Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc: Đồng chí M có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội từ tháng 10 năm 2010 đến hết tháng 9 năm 2026 là 16 năm nên được hưởng trợ cấp theo thời gian công tác bằng 05 tháng tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tháng liền kề trước thời điểm hưởng lương hưu:

05 tháng x 21.300.000 đồng = 106.500.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp đồng chí M được nhận là:

266.250.000 đồng + 106.500.000 đồng = 372.750.000 đồng.

Ví dụ 3b: Cũng trường hợp đồng chí Nguyễn Thị M (nêu tại Ví dụ 3a); giả sử, đồng chí M có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 12 năm 1995 đến hết tháng 9 năm 2026 là 30 năm 10 tháng; nhưng có thời gian là lao động hợp đồng từ tháng 12 năm 1995 đến tháng 6 năm 2012; từ tháng 7 năm 2012 mới được tuyển dụng công nhân quốc phòng; tháng 10 năm 2013 chuyển sang chế độ quân nhân chuyên nghiệp; do thay đổi biểu tổ chức, biên chế, Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng, đồng chí M được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026; đồng chí M có nguyện vọng được nghỉ hưu, hưởng lương hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu) và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Như vậy, đồng chí M có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội từ tháng 7 năm 2012 đến hết tháng 9 năm 2026 bằng 14 năm 3 tháng nên chỉ được hưởng trợ cấp một lần cho số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi, không được hưởng trợ cấp một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

"b) Còn đủ điều kiện phục vụ Quân đội mà Quân đội còn nhu cầu bố trí, sử dụng nhưng xin nghỉ hưu trước hạn tuổi (trừ trường hợp do cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý);".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6

"1. Quân nhân chuyên nghiệp thôi phục vụ tại ngũ, không đủ điều kiện nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ bệnh binh hoặc không chuyển ngành được thì phục viên; khi phục viên được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP, trong đó trợ cấp tạo việc làm và trợ cấp phục viên một lần được thực hiện như sau:

a) Trợ cấp tạo việc làm tính theo công thức:

Tiền trợ cấp tạo việc làm	=	03 tháng	x	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này

b) Trợ cấp phục viên một lần tính theo công thức:

Tiền trợ cấp phục viên một lần	=	Tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này	x	Số năm công tác hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x	1,5 tháng

Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Văn D, Trung úy quân nhân chuyên nghiệp, nhập ngũ tháng 02 năm 2014, chức vụ Nhân viên. Đồng chí D có nguyện vọng phục viên và được cấp có thẩm quyền đồng ý quyết định phục viên từ ngày 01 tháng 10 năm 2026. Giả sử tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng liền kề trước thời điểm phục viên (tháng 9 năm 2026) là 13.000.000 đồng, khi phục viên đồng chí D được hưởng trợ cấp tạo việc làm và trợ cấp phục viên một lần như sau:

Trợ cấp tạo việc làm: 03 tháng x 13.000.000 đồng = 39.000.000 đồng.

Trợ cấp phục viên một lần: Đồng chí D có tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 9 năm 2026 bằng 12 năm 8 tháng, được tính tròn là 13 năm, số tiền:

13.000.000 đồng x 13 năm x 1,5 tháng = 253.500.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp đồng chí D được nhận là:

39.000.000 đồng + 253.500.000 đồng = 292.500.000 đồng.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ trong Quân đội nếu hy sinh, từ trần thì thân nhân quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 6 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP. Trong đó, chế độ trợ cấp một lần đối với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi hy sinh, từ trần được tính như sau:

Trợ cấp một lần	=	Thời gian công tác hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này	x	01 tháng tiền lương tính hưởng trợ cấp hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này"

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Trường hợp quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng trước khi hy sinh, từ trần có thời gian trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù thì thân

nhân hướng dẫn tại khoản 1 Điều này được hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thời gian tăng thêm do quy đổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

Ví dụ 5: Đồng chí Đỗ Văn X, Trung úy quân nhân chuyên nghiệp; nhập ngũ tháng 6 năm 2016, chức vụ Nhân viên. Đồng chí X hy sinh ngày 14 tháng 9 năm 2026, được công nhận là liệt sĩ. Trong quá trình công tác, đồng chí X có 05 năm làm nghề thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, thời gian này được quy đổi mức 01 năm bằng 01 năm 04 tháng; thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp là 01 năm 8 tháng. Giả sử tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi đồng chí X hy sinh (tháng 9 năm 2026) là 13.000.000 đồng/tháng.

Ngoài chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và chế độ bảo hiểm xã hội được hưởng theo quy định của pháp luật, thân nhân của đồng chí X còn được hưởng trợ cấp một lần như sau:

Trợ cấp một lần cho thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

Đồng chí X có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Quân đội từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 9 năm 2026 bằng 10 năm 4 tháng, được tính tròn là 10,5 năm, số tiền:

13.000.000 đồng x 10,5 năm x 01 tháng = 136.500.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi:

Thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp của đồng chí X là 01 năm 8 tháng (được tính tròn là 02 năm), số tiền:

13.000.000 đồng x 02 năm x 01 tháng = 26.000.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp một lần thân nhân của đồng chí X được nhận là:

136.500.000 đồng + 26.000.000 đồng = 162.500.000 đồng.".

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 1 Điều 8

1. Sửa đổi, bổ sung khổ thứ hai điểm a khoản 1 như sau:

"- Tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1978; ở biên giới phía Bắc từ tháng 02 năm 1979 đến tháng 12 năm 1988; truy quét Fulrô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992. Địa bàn biên giới trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc được tính quy đổi là huyện biên giới, bao gồm cả các huyện đảo biên giới, khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK1;".

2. Bổ sung điểm d sau điểm c khoản 1 như sau:

"d) Các trường hợp làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm như nghề, công việc ngoài Quân đội mà không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại điểm b, điểm c khoản này thì được thực hiện theo các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) về ban hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.".

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

"Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

1. Tổng cục Chính trị chỉ đạo

a) Cục Chính sách - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan của Bộ Quốc phòng chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 338/2026/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; phối hợp giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Cục Cán bộ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan của Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 338/2026/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định;

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổng hợp, báo cáo Tổng cục Chính trị thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đối tượng được hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi và thông báo để các đơn vị thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời giải quyết những vướng mắc, phát sinh.

2. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo Cục Quân lực

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan của Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 338/2026/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định;

b) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổng hợp, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu, trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thôi phục vụ tại ngũ, thôi phục vụ Quân đội (bao gồm nghỉ hưu trước hạn tuổi) theo thẩm quyền quy định tại Thông tư số 170/2016/TT-BQP ngày 30 tháng 10 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2021/TT-BQP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; kịp thời phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh.

3. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật chỉ đạo Cục Quân y

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn quân y các cấp phối hợp với các cơ quan quản lý nhân sự (cán bộ, quân lực, tổ chức lao động tiền lương...) hoàn chỉnh hồ sơ, giới thiệu và tổ chức giám định y khoa đối với các đối tượng do Bộ Quốc phòng quản lý theo quy định hiện hành; phối hợp giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng theo quy định tại Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 338/2026/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; phối hợp kiểm tra và giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách.

5. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 338/2026/NĐ-CP và Thông tư này đến đối tượng thuộc quyền;

b) Cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên, người chủ trì cơ quan, đơn vị các cấp chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về các trường hợp được giải quyết; không để xảy ra tiêu cực, trục lợi chính sách hoặc giải quyết trái quy định;

c) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhân sự tiến hành rà soát, xây dựng, báo cáo phương án sắp xếp, bố trí, sử dụng và xác định từng trường hợp thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hoặc trường hợp do cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước hạn tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý; xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi theo phân cấp quy định. Thời hạn xem xét, giải quyết chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi đối với các trường hợp nêu trên không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định của cấp có thẩm quyền về thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế có hiệu lực thi hành, hoặc từ ngày thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn đến khi quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng có quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu).

Đối với các trường hợp không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe phục vụ Quân đội, chỉ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi theo phân cấp quy định đối với trường hợp có kết luận của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng xác định bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tai nạn rủi ro bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên hoặc trường hợp có kết luận của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng kết luận bị bệnh tâm thần, không đủ sức khỏe phục vụ Quân đội;

d) Hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm, tổ chức chi trả đúng, đủ, kịp thời chế độ đối với các đối tượng; thực hiện thanh, quyết toán và báo cáo theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, quản lý chặt chẽ tình hình; chủ động xử lý, giải quyết vướng mắc phát sinh từ cơ sở theo thẩm quyền, không đùn đẩy trách nhiệm lên trên; các vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết.".

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 10 năm 2026. Mức hưởng chế độ trợ cấp; thời gian, tiền lương làm căn cứ tính hưởng chế độ trợ cấp hướng dẫn tại Thông tư này được áp dụng đối với các trường hợp hy sinh, từ trần hoặc có quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, phục viên, chuyển ngành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ một số điều, khoản; thay thế cụm từ và mẫu phiếu như sau:

a) Bãi bỏ Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 162/2017/TT-BQP ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng;

b) Thay thế cụm từ "Ví dụ 1" bằng cụm từ "Ví dụ 1a" tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 162/2017/TT-BQP;

c) Thay thế cụm từ "Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị" bằng cụm từ "Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị" tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 162/2017/TT-BQP;

d) Thay thế mẫu Phiếu thanh toán chế độ trợ cấp ban hành kèm theo Thông tư số 162/2017/TT-BQP bằng mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên đã tiếp nhận trước ngày 01 tháng 9 năm 2026 mà cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định về việc nghỉ hưu trước hạn tuổi hoặc phục viên thì mức hưởng chế độ, thời gian và tiền lương làm căn cứ để tính hưởng chế độ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 338/2026/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu; Cục Cán bộ, Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C20, C41, C79, C56, C10, C85, C29, C37;
- Cục KTVB&TCTHPL/Bộ Tư pháp;
- Cổng TTĐT BQP;
- Trang TTĐT Ngành CS-XH Quân đội;
- Lưu: VT, KH. T89.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

MẪU PHIẾU THANH TOÁN CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BQP ngày / /2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

BỘ QUỐC PHÒNG .....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../PTT- (1)	*....., ngày.....tháng.....năm...*

PHIẾU THANH TOÁN CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP

Theo quy định tại Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 338/2026/NĐ-CP

Họ và tên: ..... Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Cấp bậc: .....Chức vụ:.....
Đơn vị: .....
Được hưởng:.....(2) theo Quyết định số....ngày...tháng....năm....
Của: .....(3)
Tiền lương để tính hưởng các chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 151/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 338/2026/NĐ-CP: .....
Các chế độ được hưởng:
- Trợ cấp nghỉ hưu trước hạn tuổi: .....
- Trợ cấp phục viên một lần:.....
- Trợ cấp tạo việc làm:.....
- Trợ cấp thôi việc: .....
- Trợ cấp một lần khi hy sinh, từ trần:.....
- Trợ cấp một lần đối với thời gian tăng thêm do quy đổi: .....

Cộng:.....
Bằng chữ:.....

CƠ QUAN NHÂN SỰ	**CƠ QUAN TÀI CHÍNH**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*	*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

NGƯỜI NHẬN TIỀN
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Đơn vị trực thuộc Bộ;
(2) Chế độ trợ cấp được hưởng khi thôi phục vụ trong Quân đội; khi hy sinh, từ trần;
(3) Quyết định của cấp có thẩm quyền.